

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**  
**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**BẢN HỢP NHẤT**

- Phiên bản CTĐT năm 2023: Quyết định 279/QĐ-ĐHTBD ngày 05/11/2024
- Điều chỉnh bổ sung năm 2025: Quyết định 187/QĐ-ĐHTBD ngày 22/08/2025
- Điều chỉnh bổ sung năm 2025: Quyết định ...../QĐ-ĐHTBD ngày 19/12/2025

**Khánh Hòa, 2025**

# MỤC LỤC

<b>PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>1</b>
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo .....	1
1.2. Nhu cầu đào tạo của ngành.....	1
1.3. Nhu cầu của người học.....	2
1.4. Thông tin chung về chương trình đào tạo .....	3
<b>PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>4</b>
2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường.....	4
2.2. Triết lý giáo dục của Trường.....	4
2.3. Căn cứ pháp lý .....	5
2.4. Căn cứ thực tiễn.....	5
<b>PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP .....</b>	<b>7</b>
3.1. Mục tiêu đào tạo .....	7
3.2. Chuẩn đầu ra .....	8
3.3. Cơ hội nghề nghiệp.....	10
<b>PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>11</b>
4.1. Chuẩn đầu vào .....	11
4.2. Phương thức tuyển sinh .....	11
4.3. Tổ chức đào tạo.....	11
4.4. Điều kiện xét tốt nghiệp.....	16
<b>PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO.....</b>	<b>17</b>
5.1. Cấu trúc chương trình .....	17
5.2. Danh mục môn học.....	17
5.3. Kế hoạch đào tạo theo học kỳ.....	18
(*) Ma trận đóng góp của môn học vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	19
5.4. Hướng dẫn thực hiện chương trình .....	20
<b>PHẦN 6. LỊCH SỬ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>21</b>
Phụ lục 1. Ma trận đối sánh với chương trình đào tạo của một số trường khác.....	22

# PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

## 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc mở ngành Quản trị kinh doanh là đa dạng hóa ngành nghề, lĩnh vực đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực quản lý ngày càng cao của nền kinh tế đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Mục tiêu này của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng chính là cơ hội để Trường Đại học Thái Bình Dương được nhận nhiệm vụ đào tạo ở bậc cử nhân Quản trị kinh doanh, và trong thời gian sắp tới là xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ, góp phần đào tạo nguồn nhân lực quản lý trình độ cao cho xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn chú trọng yếu tố con người, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của xã hội. Để phấn đấu đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và thực hiện được mục tiêu phát triển con người, Đảng nêu ra quan điểm: "*Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển*".

Do đó, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế luôn là nhu cầu cấp bách. Xây dựng nhân lực trình độ cao là xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia, có trình độ chuyên môn, có đủ năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và đề xuất những giải pháp khoa học, xây dựng đội ngũ doanh nhân quản lý doanh nghiệp, có khả năng tổ chức, khả năng cạnh tranh. Đồng thời, đây cũng sẽ là những nhân lực để giảng dạy và đào tạo ra nguồn nhân lực quản lý kế cận là các cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Như vậy, xét ở tầm vĩ mô, mở ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ là đào tạo nguồn nhân lực quản lý trình độ cao cho xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, của thị trường lao động, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp phần đào tạo và xây dựng nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế.<sup>1</sup>

## 1.2. Nhu cầu đào tạo của ngành

Theo thống kê sơ bộ, cả nước hiện nay có hơn 100 cơ sở đại học, cao đẳng có đào tạo về Quản trị kinh doanh. Các khoa Quản trị kinh doanh của các cơ sở đào tạo đã cung ứng nguồn nhân lực quản lý rất lớn cho đất nước.

Thực tế tuyển sinh cho thấy ngành Quản trị kinh doanh thuộc một trong 10 ngành thu hút nhiều thí sinh nhất trong gần 300 ngành học có tổ chức tuyển sinh, và cũng là một trong 10 ngành nghề thu hút thị trường lao động việc làm. Các thăm dò trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng chỉ ra một trong số những ngành nghề nóng nhất hiện nay là ngành Quản trị kinh doanh. Nhiều chuyên gia tuyển sinh cho rằng dù thời gian qua, nền kinh tế khó khăn, nhất là những ảnh hưởng bất lợi do đại dịch COVID 19, nhiều đơn vị phải cắt giảm nhân sự, tuy nhiên điều này không làm ngành Quản trị kinh doanh mất đi sự hấp

---

<sup>1</sup>Trích nguồn <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/Lyluan-Thuctien-Kinhnghiem/2011/4184/Ve-phat-trien-nguon-nhan-luc-trong-Nghi-quyet-Dai-hoi-Dang.aspx>.

dẫn, ngành vẫn thu hút thí sinh, đặc biệt là thí sinh khá, giỏi. Xu hướng thí sinh tiếp tục chọn ngành này là do nhu cầu nhân lực có chất lượng của các ngành này vẫn còn rất lớn.<sup>2</sup>

Bên cạnh đó, trong hệ thống trường đại học, các trường đại học thuộc khối ngành kinh tế nói chung và Quản trị kinh doanh nói riêng, sự hình thành, tồn tại và phát triển của chúng không thể tách rời với vai trò chất lượng của đội ngũ cán bộ giảng dạy. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy trong các trường đại học là yếu tố quyết định đối với sự phát triển giáo dục và đào tạo của mỗi trường cũng như toàn bộ hệ thống các trường đại học.

Vì vậy, việc đào tạo ra đội ngũ giảng viên - là các thạc sĩ Quản trị kinh doanh, giảng dạy cho các sinh viên đại học là điều cần thiết. Đào tạo và xây dựng đội ngũ thạc sĩ Quản trị kinh doanh, là yêu cầu rất cần thiết về cả số lượng lẫn chất lượng, tạo nên lực lượng nhân lực có trình độ cao, có năng lực tổ chức quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc tham gia giảng dạy bậc đại học.

### **1.3. Nhu cầu của người học**

Nguồn nhân lực trình độ cao luôn được coi là nhân tố quyết định cho sự thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn nữa, trong thế giới hiện đại, khi chuyển dần sang nền kinh tế chủ yếu dựa trên tri thức và trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, nguồn nhân lực trình độ cao ngày càng thể hiện vai trò quyết định của nó. Vì vậy, mỗi một cá nhân, mỗi một người học luôn có nhu cầu tự phát triển của bản thân, không ngừng học hỏi, học lên cao để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Tóm lại, công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao - các thạc sĩ Quản trị kinh doanh, là hết sức cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển của đất nước.

Trường Đại học Thái Bình Dương được thành lập theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ. Trường tổ chức và hoạt động theo mô hình trường đại học tư thục, tuân thủ theo các quy định hiện hành về giáo dục đại học (GDĐH) và các quy định khác của pháp Quản trị kinh doanh. Năm 2016, Trường Đại học Thái Bình Dương là một trong những trường tiên phong chuyển đến làng đại học của tỉnh Khánh Hòa, trong khuôn viên 13,2 hecta tại số 79 Mai Thị Đông, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ đại học gồm 8 ngành: (1) Công nghệ thông tin, (2) Quản trị kinh doanh, (3) Tài chính - Ngân hàng, (4) Kế toán, (5) Quản trị kinh doanh, (6) Đông Phương học, (7) Du lịch, (8) Ngôn ngữ Anh.

Về đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) và giảng viên: Tổng số nhân sự của trường tính đến ngày 31/12/2020 có 145 người đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trường Đại học Thái Bình Dương là một trong những Trường tiên phong thực hiện chính sách thu hút và tuyển dụng đón đầu đối với các ứng viên tốt nghiệp tiến sĩ nước ngoài tại các trường uy tín, những người đầu ngành, những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước như chính sách nhà ở chuyên gia, chính sách hỗ trợ kinh phí đi lại và phương tiện đưa đón khi công tác tại Trường.

Về quy mô đào tạo: giai đoạn 2009-2015, Nhà trường triển khai đào tạo 5 ngành trình độ Đại học, 5 ngành trình độ Cao đẳng và 6 ngành trình độ Trung cấp với quy mô 3.932 sinh viên (SV) thuộc 4 khoa chuyên ngành: Kinh tế và Du lịch, Y dược và Điều dưỡng, Ngôn ngữ

---

<sup>2</sup><http://nld.com.vn/giao-duc-khoa-hoc/coi-chung-sap-bay-nganh-kinh-te-20130401044746978.htm>

và Xã hội, Khoa học và Công nghệ. Từ 2016 đến nay, Trường Đại học Thái Bình Dương phát triển rộng các ngành nghề đào tạo với 8 ngành đào tạo trình độ đại học với quy mô đào tạo khoảng 3.207 sinh viên. Kể từ năm 2017, Trường Đại học Thái Bình Dương chỉ tuyển sinh đại học, không tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về cơ sở vật chất: Trụ sở chính tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được xây dựng trong khuôn viên hơn 13,2 hecta, toàn bộ khuôn viên trường được quy hoạch theo chiến lược phát triển, với thiết kế tiện nghi, hiện đại có đủ phòng học, hội trường, thư viện, phòng thực hành, phòng máy tính, ký túc xá, nhà ở chuyên gia,... đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc, nghỉ ngơi của sinh viên và đội ngũ sư phạm Trường. Đặc biệt, Trường Đại học Thái Bình Dương là một trong những Trường đầu tiên tại Nha Trang xây dựng Trung tâm IT Space – Mô phỏng Doanh nghiệp IT tại Trường. Không chỉ là nơi làm việc và nghiên cứu của sinh viên và giảng viên, IT Space được sử dụng làm nơi tổ chức các hoạt động học thuật, huấn luyện, hợp tác doanh nghiệp và các dự án PVCĐ. Trong đó, Hội trường, giảng đường, phòng học các loại: 4308,7 m<sup>2</sup>; Thư viện, trung tâm học liệu: 144 m<sup>2</sup>; Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập: 2094 m<sup>2</sup>

#### **1.4. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

**a) Cơ sở đào tạo và cấp bằng:** Trường Đại học Thái Bình Dương

**b) Đơn vị quản lý chuyên môn:** Khoa Kinh tế và Quản trị

**c) Ngành đào tạo**

- Tên tiếng Việt : **Quản trị kinh doanh**
- Tên tiếng Anh : Business Administration
- Trình độ đào tạo : Thạc sĩ
- Mã ngành cấp 4 : 8340101
- Tổng số tín chỉ : 60 tín chỉ
- Loại hình đào tạo : Chính quy
- Thời gian đào tạo : 18 tháng

## PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường

a) **Tầm nhìn:** Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liêm chính, chuẩn mực quốc tế.

b) **Sứ mệnh:** Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

c) **Giá trị cốt lõi:** Trong mọi quyết định hành động của mình, tập thể sư phạm và sinh viên trường Đại học Thái Bình Dương cam kết theo đuổi các giá trị cốt lõi sau đây:

GIÁ TRỊ	ĐẢM BẢO
Chính trực	Thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động
Tự do học thuật	Ủng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu
Tôn trọng sự khác biệt	Ủng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực, phẩm cách, lẽ phải, công bằng và đạo lý
Trách nhiệm	Tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động
Cách tân	Ủng hộ giải pháp sáng tạo
Hài hòa	Cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động

### 2.2. Triết lý giáo dục của Trường

#### “THỰC HỌC – TOÀN DIỆN – TRAO QUYỀN – TƯƠNG TÁC – THÁU CẢM”

a) **Thực học:** Sinh viên được trải nghiệm thực tế như một phần cốt lõi của chương trình học như làm dự án thật từ doanh nghiệp, học qua nghiên cứu trường hợp thực tế, kết nối với chuyên gia nghề nghiệp, trong các không gian thực hành đa dạng.

b) **Toàn diện:** Sinh viên phát triển năng lực toàn diện được tích hợp vào từng môn học: Từ tư duy phân tích, phản biện, sáng tạo đến giao tiếp, thuyết trình và truyền thông; Từ thông minh cảm xúc đến trách nhiệm cá nhân và dân thân xã hội.

c) **Trao quyền:** Sinh viên làm chủ quá trình học tập, được đối xử như những cá nhân trưởng thành, được phản hồi thường xuyên từ giảng viên và chuyên gia. Môi trường học tập dân chủ giúp sinh viên phát huy sức mạnh bản thân, tạo sức bật độc đáo cho từng cá nhân.

d) **Tương tác:** Sinh viên tương tác thường xuyên và có ý nghĩa với giảng viên, người cùng học, lãnh đạo trường, cựu sinh viên, với các cá nhân và tổ chức để việc học hiệu quả và hứng khởi. Tương tác giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới các kết nối hữu ích cho cuộc sống và công việc ngay từ khi còn đi học.

e) **Thấu cảm:** Sinh viên phát triển lòng thấu cảm vừa thông qua nhận thức cảm xúc của bản thân và người khác, vừa thông qua thực hành sống tử tế và nhân ái.

### **2.3. Căn cứ pháp lý**

#### **a) Văn bản pháp luật của nhà nước**

- Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

- Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

#### **b) Văn bản của Trường Đại học Thái Bình Dương**

- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục); được ban hành lại theo Nghị quyết số 27/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 26/04/2023 của Hội đồng trường.

- Quyết định số 188/QĐ-ĐHTBD ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành Quy trình về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 264/QĐ-ĐHTBD ngày 18/07/2023 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Thái Bình Dương.

### **2.4. Căn cứ thực tiễn**

- Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ sau đại học ngành Quản trị kinh doanh của xã hội hiện nay là rất lớn và xu thế đó sẽ kéo dài, đặc biệt khi Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới nên các công ty, các doanh nghiệp sẽ phát triển rất mạnh về quy mô và trình độ quản lý, đòi hỏi rất lớn về nguồn cán bộ chuyên ngành Quản trị kinh doanh có năng lực, được đào tạo chuyên sâu để đảm đương những trọng trách trong công ty, xí nghiệp.

- Đội ngũ giảng viên thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh và các chuyên ngành gần gũi nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ là các nhà khoa học, nhà giáo có uy tín đang công tác tại Trường và các cơ quan đối tác.

- Phương hướng phát triển của Trường Đại học Thái Bình Dương trong những năm tới đối với ngành Quản trị Doanh nghiệp là sẽ phát triển thành ngành mũi nhọn đào tạo trình độ

sau đại học cung cấp lực lượng cán bộ quản lý bổ sung cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, các công ty, xí nghiệp sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước.

- Đáp ứng nhu cầu cung ứng nguồn nhân lực thạc sĩ Quản trị kinh doanh cho địa phương và khu vực miền Trung, tạo điều kiện để nhiều người tại Khánh Hòa có nhu cầu có thể học tại chỗ để giảm chi phí, thời gian, sức lực, nhất là cán bộ viên chức nhà nước không có điều kiện thời gian để đi học tại các địa phương khác.

- Đáp ứng nhu cầu được học lên trình độ thạc sĩ của sinh viên Trường Đại học Thái Bình Dương sau khi tốt nghiệp đại học.

## PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

### 3.1. Mục tiêu đào tạo

#### a) Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh là đào tạo học viên có phẩm chất chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn sâu về quản trị kinh doanh, người học sẽ có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp. Có kỹ năng thực hành ở mức độ thành thạo để tổ chức, điều hành và quản lý các lĩnh vực quản trị kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và nền kinh tế số hóa.

#### b) Mục tiêu cụ thể

##### Mục tiêu về kiến thức:

Học viên tốt nghiệp có khả năng phân tích, tổng hợp những vấn đề cốt lõi của kinh doanh hiện đại và vận dụng chúng trong hoạt động quản trị kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Ngoài ra, người học sẽ mô tả và phân tích được các lý thuyết cũng như phương pháp nghiên cứu mới trong kinh doanh.

##### Mục tiêu về kỹ năng:

Kết thúc khóa đào tạo, người học đánh giá và phân tích được các yêu cầu để kinh doanh hiệu quả trong môi trường toàn cầu hóa. Phát triển các kinh nghiệm của bản thân và áp dụng các kỹ năng phân tích tình huống, xử lý các thông tin một cách thành thạo. Dựa vào đó, người học có khả năng ra các quyết định chiến lược và chính sách nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.

Có kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, thể hiện tư duy phát triển, khả năng lãnh đạo trong các môi trường kinh doanh và văn hóa khác nhau. Đồng thời, người học có khả năng thiết kế một nghiên cứu khoa học, viết Luận văn thạc sĩ chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế. Thêm vào đó, người học sau khi tốt nghiệp sẽ sử dụng được ngoại ngữ theo chuẩn đào tạo yêu cầu để có thể tham gia hiệu quả vào cộng đồng kinh doanh và học thuật thế giới.

##### Mục tiêu về trình độ và năng lực chuyên môn

Người tốt nghiệp chương trình MBA của Đại học Thái Bình Dương có thể đảm nhận được trọng trách về quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước và quốc tế; Nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh ở các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước; Tham gia lập dự án, thẩm định các dự án kinh doanh của các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế; Có thể tiếp tục phát triển khả năng giảng dạy về quản trị kinh doanh ở bậc đại học; Tiếp tục tham gia học tập ở bậc tiến sĩ ở trong và ngoài nước về chuyên ngành quản trị kinh doanh.

### 3.2. Chuẩn đầu ra

Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh có khả năng:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>PL01</b>	Phân tích và đánh giá thông tin đa chiều về các lĩnh vực chức năng cốt lõi của doanh nghiệp thông qua các dự án nghiên cứu và nghiên cứu tình huống với tư duy phản biện và khả năng tổng hợp chuyên sâu
<b>PL02</b>	Đánh giá tính khả thi và phát triển các đề xuất kinh doanh mới và các chiến lược kinh doanh toàn diện thông qua tích hợp kiến thức quản trị, kỹ năng giải quyết vấn đề và phân tích chiến lược nhằm đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong hoạch định.
<b>PL03</b>	Thiết lập, duy trì và thực hiện hiệu quả các mối quan hệ cá nhân và nghề nghiệp, đồng thời điều phối nhiệm vụ nhóm trong môi trường đa chức năng, bảo đảm hiệu suất làm việc cao, hợp tác tích cực và giao tiếp chuyên nghiệp.
<b>PL04</b>	Tích hợp và vận dụng kiến thức kinh doanh, công nghệ số và truyền thông thông qua ứng dụng các công nghệ hiện đại và nền tảng kỹ thuật số một cách thành thạo nhằm giải quyết vấn đề, đổi mới mô hình kinh doanh và nâng cao hiệu quả quyết định.
<b>PL05</b>	Áp dụng tư duy tự học và khả năng khám phá tri thức mới để giải quyết những thách thức và vấn đề phức tạp trong tương lai, thể hiện tính độc lập, chủ động và khả năng thích ứng trong hoạt động kinh doanh lẫn học thuật.
<b>PL06</b>	Thực hiện các quyết định và hành vi chuyên môn phù hợp với bối cảnh kinh doanh – xã hội bằng cách vận dụng quan sát, đánh giá đồng nghiệp và tự đánh giá, đảm bảo chuẩn mực đạo đức và chuyên nghiệp

Đối sánh CDR của chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam thể hiện trong bảng sau.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<b>PL01</b>	Phân tích và đánh giá thông tin đa chiều về các lĩnh vực chức năng cốt lõi của doanh nghiệp thông qua các dự án nghiên cứu và nghiên cứu tình huống với tư duy phản biện và khả năng tổng hợp chuyên sâu	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. - Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên	- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

<b>PL02</b>	Đánh giá tính khả thi và phát triển các đề xuất kinh doanh mới và các chiến lược kinh doanh toàn diện thông qua tích hợp kiến thức quản trị, kỹ năng giải quyết vấn đề và phân tích chiến lược nhằm đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong hoạch định.		môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	
<b>PL03</b>	Thiết lập, duy trì và thực hiện hiệu quả các mối quan hệ cá nhân và nghề nghiệp, đồng thời điều phối nhiệm vụ nhóm trong môi trường đa chức năng, bảo đảm hiệu suất làm việc cao, hợp tác tích cực và giao tiếp chuyên nghiệp.	- Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	
<b>PL04</b>	Tích hợp và vận dụng kiến thức kinh doanh, công nghệ số và truyền thông thông qua ứng dụng các công nghệ hiện đại và nền tảng kỹ thuật số một cách thành thạo nhằm giải quyết vấn đề, đổi mới mô hình kinh doanh và nâng cao hiệu quả quyết định.	- Kiến thức liên ngành có liên quan. - Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
<b>PL05</b>	Áp dụng tư duy tự học và khả năng khám phá tri thức mới để giải quyết những thách thức và vấn đề phức tạp trong tương lai, thể hiện tính độc lập, chủ động và khả năng thích ứng trong hoạt động kinh doanh lẫn học thuật.	- Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.
<b>PL06</b>	Thực hiện các quyết định và hành vi chuyên môn phù hợp với bối cảnh kinh doanh – xã hội bằng cách vận dụng quan sát, đánh giá đồng nghiệp và tự đánh giá, đảm bảo	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ	- Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ mới cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. - Quản lý, đánh giá và cải tiến

	chuẩn mực đạo đức và chuyên nghiệp	bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	các hoạt động chuyên môn. - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
--	------------------------------------	---	--	---

### 3.3. Cơ hội nghề nghiệp

- Nâng cao năng lực hành nghề trong các chức danh chuyên nghiệp.
- Viên chức, công chức quản lý trong hệ thống các cơ quan nhà nước.
- Giảng viên, nghiên cứu viên trong các trường, viện nghiên cứu.
- Khởi nghiệp khi hội tụ đủ các điều kiện hành nghề cụ thể.
- Học tập nâng cao trình độ tiến sĩ.

## **PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP**

### **4.1. Chuẩn đầu vào**

Yêu cầu đối với người dự tuyển được quy định chung tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư 23, yêu cầu cụ thể đối với tuyển sinh thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh như sau:

- a) Về văn bằng: Ứng viên có bằng ĐH ngành đúng được dự tuyển mà không phải học Bổ sung kiến thức (BSKT); Ứng viên có bằng ĐH ngành gần hoặc ngành phù hợp hay ngành ngoài phải học BSKT với chương trình tương ứng 3 môn hoặc 9 môn. (Chi tiết theo thông báo tuyển sinh).
- b) Về ngoại ngữ: Ứng viên có Chứng chỉ trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc Bằng tốt nghiệp đại học/ bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài, ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc Bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ, chuyên ngành tiếng Anh.
- c) Về kinh nghiệm công tác: Phụ thuộc vào ngành đào tạo đại học và loại tốt nghiệp đại học mà người dự tuyển sẽ được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp hoặc yêu cầu có từ 1-2 năm kinh nghiệm.

- Trường hợp không thuộc đối tượng quy định trên đây nhưng có ít nhất 03 năm kinh nghiệm và đang làm việc có liên quan đến lĩnh vực liên quan thì Hội đồng chuyên môn của Khoa quản lý ngành xem xét hồ sơ theo từng trường hợp cụ thể.

Quy định cụ thể xem tại Khoản 3, Điều 5, Thông tư 23 và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Thái Bình Dương.

### **4.2. Phương thức tuyển sinh**

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Chi tiết theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thái Bình Dương.

### **4.3. Tổ chức đào tạo**

#### **a) Thời gian đào tạo**

- Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ (thời gian linh hoạt)

- Tổng thời gian thiết kế là 18 tháng (CQ) hoặc 20 tháng (VLVH)

- Số học kỳ phân bổ: 04 học kỳ

(\*) Bao gồm cả thời gian thực tập (đối với định hướng ứng dụng) và làm luận văn thạc sĩ (hoặc đề án tốt nghiệp).

## b) Phương pháp giảng dạy (Teaching Methods – TM)

### (1) Nhóm phương pháp giảng dạy trực tiếp

Đối với Phương pháp giảng dạy trực tiếp, thông tin được truyền đạt đến học viên theo cách trực tiếp: giáo viên giảng bài và học viên lắng nghe. Phương pháp này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho học viên những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kỹ năng mới.

Mã hiệu	Tên phương pháp		Nội dung phương pháp
TM01	Thuyết giảng	Lecture	Giảng viên trình bày và giải thích nội dung bài giảng, nhưng không loại trừ việc đặt câu hỏi, phát biểu hay thảo luận từ phía học viên.
TM02	Giải thích cụ thể	Explicit teaching	Giảng viên hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp học viên đạt được các kiến thức và kỹ năng.
TM03	Tham luận chuyên gia	Guest lecture	Học viên được tham gia cùng với người trình bày, diễn giả khách mời (không phải là giảng viên thường kỳ của môn học).

### (2) Nhóm phương pháp kích thích suy nghĩ

Phương pháp kích thích suy nghĩ phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành kỹ năng phản xạ trong phương pháp học tập của học viên. Những Phương pháp này được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo, độc lập.

Mã hiệu	Tên phương pháp		Nội dung phương pháp
TM04	Học qua tình huống (điển cứu)	Case study	Giảng viên sẽ đưa ra các nhiệm vụ và các mốc thời gian tùy theo từng tình huống, vấn đề và thách thức gặp phải. Việc yêu cầu học viên xác định và phân tích vấn đề sẽ giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng học tập.
TM05	Giải quyết vấn đề	Problem solving	Học viên phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các chênh lệch giữa tình hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó, học được các kiến thức mới khi đối mặt tình huống.
TM06	Tập kích não	Brainstorming	Trong quá trình làm việc nhóm, học viên được yêu cầu sử dụng phương pháp này để tạo ra các câu hỏi, ý tưởng và ví dụ; được dùng để minh họa, mở rộng và đào sâu vào ý tưởng chính hoặc chủ đề. Mỗi thành viên của nhóm được khuyến khích đóng góp ý kiến mà không cần quan tâm tới tính khả thi. Phương pháp này tạo nên sự linh hoạt suy nghĩ của học viên và giúp tăng khả năng tìm kiếm và mở rộng vấn đề. Nó được dùng trong các môn học nhằm phát triển cách suy nghĩ sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và phương pháp giải quyết vấn đề.

### ***(3) Nhóm phương pháp dựa trên hoạt động***

Phương pháp này khuyến khích học viên học tập thông qua các hoạt động thực tế. Những hoạt động này cũng cấp cho học viên cơ hội trải nghiệm thực tế, điều này sẽ thúc đẩy người học thực hiện các khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.

<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên phương pháp</b>		<b>Nội dung phương pháp</b>
<b>TM07</b>	Đóng vai	Role play	Học viên giả định các vai diễn khác nhau trong một tình huống và tương tác (diễn) với người khác.
<b>TM08</b>	Trò chơi	Game	Các trò chơi được xem như là hoạt động tương tác, có thể tạo ra sự hỗ trợ qua lại giữa giảng viên - học viên hoặc các thành viên trong lớp, giúp hệ thống hóa kiến thức đồng thời tăng cường sự tự tin của học viên.
<b>TM09</b>	Kiến tập	Field trip (Study tour)	Học viên được tham quan, khảo sát tại một số đối tác nghề nghiệp và sự phạm của ngành.
<b>TM10</b>	Tranh luận	Debates	Giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan tới bài học và học viên, với những ý kiến khác nhau, cố thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. Qua tranh luận, học viên đạt được những kỹ năng hữu ích như tư duy sâu, đàm phán, ra quyết định, và nói trước đám đông.

### ***(4) Nhóm phương pháp tăng cường hợp tác***

Phương pháp hợp tác giúp học viên trở nên năng động, có trách nhiệm và chu đáo, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, học viên có thể thực hành các kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. Phương pháp này tập trung vào các làm cho học viên tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế.

<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên phương pháp</b>		<b>Nội dung phương pháp</b>
<b>TM11</b>	Thảo luận	Discussion	Học viên được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra từ trước. Phương pháp này giúp cho học viên phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và cùng bàn luận, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.
<b>TM12</b>	Học nhóm	Teamwork learning	Học viên được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho, và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc thuyết trình. Trong chương trình học, học viên được cung cấp kiến thức căn bản và kỹ năng làm việc nhóm từ năm nhất. Tiếp đó, họ sẽ luyện tập phương pháp này trong những môn học ở các cấp độ khác nhau.

<b>TM13</b>	Câu hỏi gợi mở	Inquiry	Giảng viên sử dụng các câu hỏi hoặc vấn đề mở và hướng dẫn học viên/nhóm học viên trả lời từng bước một.
-------------	----------------	---------	--

**(5) Nhóm phương pháp học tập độc lập**

Đây là nhóm các phương pháp thường được áp dụng trong đào tạo bậc cao. Các phương pháp này vừa đòi hỏi, vừa phát huy khả năng tự học của học viên. Bên cạnh các phương pháp truyền thống như Đề án nghiên cứu hay Bài tập cá nhân, hiện nay các phương pháp như Học trực tuyến hay Lớp học đảo ngược đều được áp dụng nhiều trong thời đại số.

<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên phương pháp</b>		<b>Nội dung phương pháp</b>
<b>TM14</b>	Đề án nghiên cứu	Research project	Học viên chủ động lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp về một chủ đề một cách độc lập và còn hơn cả thế, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó cũng tăng cường động lực học tập và tính chủ động học tập vì học viên được quyền lựa chọn điều gì mà họ muốn trình bày.
<b>TM15</b>	Bài tập cá nhân	Work assignment	Học viên được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà. Qua quá trình này, học viên sẽ học được cách tự học, cũng như đạt được các kiến thức và kỹ năng.
<b>TM16</b>	Học trực tuyến	Online learning	Học viên tự học trên các học liệu trực tuyến được chuẩn bị sẵn trên hệ thống LMS.
<b>TM17</b>	Lớp học đảo ngược	Flipped classroom	Giảng viên cung cấp nội dung học tập cho người học học tập trước khi vào lớp. Nội dung được cung cấp trước thường là các học liệu trực tuyến. Giờ học ở lớp sẽ dành cho các hoạt động khác để giúp củng cố và mở rộng các nội dung đã tìm hiểu.

**(\*) Sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy và CDR của chương trình đào tạo**

<b>Mã CDR</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Phương pháp giảng dạy</b>
<b>PL01</b>	Tư duy phản biện và phân tích bằng cách tổng hợp và đánh giá thông tin trên tất cả các lĩnh vực chức năng của doanh nghiệp thông qua các dự án nghiên cứu và nghiên cứu tình huống.	TM01, 2,4,5,6,11,12,14,15,16,17
<b>PL02</b>	Đánh giá chính xác tính khả thi của các đề xuất kinh doanh và phát triển chiến lược kinh doanh bằng cách áp dụng kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề tích hợp & phân tích chiến lược.	TM01, 2,4,5,6,11,12,14,15,16,17
<b>PL03</b>	Xây dựng mối quan hệ, làm việc theo nhóm hiệu quả.	TM01, 2,3,4,5,6,11,12,14,15,16,17

<b>PL04</b>	Tích hợp kiến thức kinh doanh, kỹ thuật số và truyền thông thông qua các ứng dụng của công nghệ hiện đại.	TM01, 2,3,4,5,6,7,8,9,10,15,16,17
<b>PL05</b>	Áp dụng tư duy tự học tích cực để có khả năng giải quyết những thách thức trong tương lai cả trong các hoạt động kinh doanh cũng như học thuật.	TM01, 2,3,4,5,6,7,8,9,10,15,16,17
<b>PL06</b>	Thể hiện các giá trị đạo đức, trưởng thành và chuyên nghiệp trong các quyết định thông qua quan sát & đánh giá đồng nghiệp và tự đánh giá.	TM01, 2,4,5,7,8,9,10,14,15,16,17

**d) Phương pháp đánh giá (Assessment Method - AM)**

Một môn học phải có ít nhất 02 thành phần đánh giá và thường không quá 05 thành phần được đánh ký hiệu A1, A2... A5, được phân bổ thời gian dàn trải đều theo kế hoạch đào tạo, đảm bảo hợp lý và liên tục.

Trường hợp có 02 thành phần đánh giá thì bao gồm:

- A1 (50%) là thành phần quá trình (có thể là tổng hợp của nhiều cột điểm)
- A2 (50%) là thành phần đánh giá kết môn

**(\*) Nguyên tắc chung:** Các thành phần đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Bài đánh giá bám sát chuẩn đầu ra của môn học bằng cách nêu rõ các CLO liên quan.
- Mỗi bài đánh giá có rubrics kèm theo đề cương dưới dạng phụ lục.
- Không có một thành phần đánh giá nào chiếm trọng số lớn hơn 50%.
- Hạn chế tối đa hình thức thi kiểm tra kiến thức mang tính dữ kiện, nhớ, ghi chép.

**(\*) Các hình thức đánh giá và cách tính điểm**

Mã hiệu	Hình thức đánh giá	Thường áp dụng cho	
		Quá trình	Kết môn
AM01	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	
AM02	Thuyết trình (Oral Presentation)	x	x
AM03	Đánh giá hoạt động (Performance Test)	x	
AM04	Nhật ký thực tập (Journal and Blogs)	x	
AM05	Bài trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x
AM06	Bài tự luận tập trung (Paper-based exam room)	x	x
AM07	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		x
AM08	Viết báo cáo (Written Report)		x
AM09	Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)	x	x
AM10	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)	x	
AM11	Báo cáo tiểu luận (Written Report)	x	x
AM12	Báo cáo tham luận (Conference Presentations)	x	x
AM13	Đề án nghiên cứu/ ứng dụng (Project)		x

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Thái Bình Dương.

**(\*) Sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và CDR của chương trình đào tạo**

<b>Mã CDR</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>
PL01	Phân tích và đánh giá thông tin đa chiều về các lĩnh vực chức năng cốt lõi của doanh nghiệp thông qua các dự án nghiên cứu và nghiên cứu tình huống với tư duy phản biện và khả năng tổng hợp chuyên sâu	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13
PL02	Đánh giá tính khả thi và phát triển các đề xuất kinh doanh mới và các chiến lược kinh doanh toàn diện thông qua tích hợp kiến thức quản trị, kỹ năng giải quyết vấn đề và phân tích chiến lược nhằm đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong hoạch định.	AM01,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11
PL03	Thiết lập, duy trì và thực hiện hiệu quả các mối quan hệ cá nhân và nghề nghiệp, đồng thời điều phối nhiệm vụ nhóm trong môi trường đa chức năng, bảo đảm hiệu suất làm việc cao, hợp tác tích cực và giao tiếp chuyên nghiệp.	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13
PL04	Tích hợp và vận dụng kiến thức kinh doanh, công nghệ số và truyền thông thông qua ứng dụng các công nghệ hiện đại và nền tảng kỹ thuật số một cách thành thạo nhằm giải quyết vấn đề, đổi mới mô hình kinh doanh và nâng cao hiệu quả quyết định.	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13
PL05	Áp dụng tư duy tự học và khả năng khám phá tri thức mới để giải quyết những thách thức và vấn đề phức tạp trong tương lai, thể hiện tính độc lập, chủ động và khả năng thích ứng trong hoạt động kinh doanh lẫn học thuật.	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13
PL06	Thực hiện các quyết định và hành vi chuyên môn phù hợp với bối cảnh kinh doanh – xã hội bằng cách vận dụng quan sát, đánh giá đồng nghiệp và tự đánh giá, đảm bảo chuẩn mực đạo đức và chuyên nghiệp	AM01,2,6,7,8,9,10,11,12,13

#### **4.4. Điều kiện xét tốt nghiệp**

Điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp được quy định chung tại Khoản 1, Điều 12, Thông tư 23, điều kiện xét tốt nghiệp cụ thể đối với thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh như sau:

- a) Đã hoàn thành đủ các môn học của chương trình đào tạo 60 tín chỉ.
- b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Quy định cụ thể tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Thái Bình Dương).
- c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

### 5.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Khối lượng	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC CHUNG</b>	<b>6</b>	<b>10%</b>
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>	<b>18</b>	<b>30%</b>
<b>3</b>	<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>21</b>	<b>35%</b>
3.1	Bắt buộc	9	15%
3.2	Tự chọn	12	20%
<b>4</b>	<b>TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>	<b>25%</b>
4.1	Thực tập và đề án tốt nghiệp	15	25%
	<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>	<b>60</b>	<b>100%</b>

### 5.2. Danh mục môn học

TT	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ
<b>I.</b>	<b>KIẾN THỨC CHUNG</b>	<b>6</b>
1	Triết học	4
2	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2
<b>II.</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>	<b>18</b>
3	Kinh tế học quản trị	3
4	Quản trị tài chính	3
5	Quản trị nguồn nhân lực	3
6	Quản trị Marketing	3
7	Quản trị sự thay đổi	3
8	Quản trị chiến lược toàn cầu	3
<b>III</b>	<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>21</b>
	<b><i>Bắt buộc</i></b>	<b>9</b>
9	Lãnh đạo	3
10	Tâm lý học và văn hóa doanh nghiệp	3
11	Khởi nghiệp, sáng tạo và đổi mới	3
	<b><i>Tự chọn</i></b>	<b>12</b>
	<b>Chuyên ngành Quản trị kinh doanh</b>	
	<i>Tự chọn 03 trong 05 môn sau</i>	
12	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	4
13	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	4
14	Ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh	4
15	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	4
16	Thương mại điện tử	4
	<b>Chuyên ngành Quản trị Tài chính</b>	
	<i>Tự chọn 03 trong 05 môn sau</i>	

17	Tài chính hành vi	4
18	Đầu tư tài chính	4
19	Quản trị rủi ro tài chính	4
20	Tài chính quốc tế	4
21	Kế toán tài chính	4
	<b>Chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng</b>	
	<i>Tự chọn 03 trong 05 môn sau</i>	
22	Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng	4
23	Hệ thống thông tin Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	4
24	Quản trị vận tải	4
25	Quản trị kho hàng và dự trữ	4
26	Quản trị chi phí trong Logistics và chuỗi cung ứng	4
<b>IV</b>	<b>TỐT NGHIỆP (định hướng ứng dụng)</b>	<b>15</b>
27	Thực tập	<b>6</b>
28	Đề án tốt nghiệp	<b>9</b>

(\*) Ma trận đối sánh với chương trình đào tạo của một số trường khác ở **phụ lục 1**.

### 5.3. Kế hoạch đào tạo theo học kỳ

TT	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ		
		TC	LT	TH
<b>I.</b>	<b>HỌC KỲ 1</b>	<b>15</b>	<b>9</b>	<b>7</b>
1	Kinh tế học quản trị	3	2	2
2	Quản trị tài chính	3	2	1
3	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1
4	Triết học	4	2	2
5	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	1
<b>II.</b>	<b>HỌC KỲ 2</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>
6	Quản trị Marketing	3	2	1
7	Quản trị sự thay đổi	3	2	1
8	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	2	1
9	Lãnh đạo	3	2	1
10	Tâm lý học và văn hóa doanh nghiệp	3	2	1
11	Khởi nghiệp, sáng tạo và đổi mới	3	2	1
<b>III.</b>	<b>HỌC KỲ 3</b>	<b>12</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
12	Tự chọn Kiến thức chuyên ngành 1	4	2	2
13	Tự chọn Kiến thức chuyên ngành 2	4	2	2
14	Tự chọn Kiến thức chuyên ngành 3	4	2	2

IV.	<b>TỐT NGHIỆP</b> (định hướng ứng dụng)	<b>15</b>		<b>15</b>
15	Thực tập	<b>6</b>		6
16	Đề án tốt nghiệp	<b>9</b>		9
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60</b>	<b>26</b>	<b>34</b>

**(\*) Ma trận đóng góp của môn học vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

TT	TÊN MÔN HỌC	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06
1.	Triết học				X	X	X
2.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	X	X			X	X
3.	Quản trị chiến lược toàn cầu	X	X	X	X	X	
4.	Quản trị tài chính	X	X	X	X	X	X
5.	Quản trị nguồn nhân lực	X	X	X	X	X	
6.	Quản trị Marketing	X	X	X	X	X	
7.	Quản trị sự thay đổi	X	X	X	X	X	
8.	Thương mại điện tử	X	X	X	X	X	X
9.	Kinh tế học quản trị	X	X	X	X	X	X
10.	Lãnh đạo	X	X	X	X	X	
11.	Tâm lý học và văn hóa doanh nghiệp	X	X	X	X	X	X
12.	Khởi nghiệp, sáng tạo và đổi mới	X	X	X	X	X	
13.	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	X	X	X	X	X	
14.	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	X	X	X	X	X	
15.	Ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh	X	X	X	X	X	
16.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	X	X	X	X	X	X
17.	Tài chính hành vi	X	X	X	X	X	
18.	Đầu tư tài chính	X	X	X	X	X	
19.	Quản trị rủi ro tài chính	X	X	X	X	X	
20.	Tài chính quốc tế	X	X	X	X	X	
21.	Kế toán tài chính	X	X	X	X	X	
22.	Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng	X	X	X	X	X	
23.	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	X	X	X	X	X	
24.	Quản trị vận tải	X	X	X	X	X	
25.	Quản trị kho hàng và dự trữ	X	X	X	X	X	
26.	Quản trị chi phí trong Logistics và chuỗi cung ứng	X	X	X	X	X	
27.	Thực tập	X	X	X	X	X	X
28.	Đề án tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X

#### 5.4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình thực hiện chương trình tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Thái Bình Dương. Ngoài ra, tham chiếu các hướng dẫn sau:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ gồm 60 tín chỉ với thời gian đào tạo chuẩn được thiết kế là 16 tháng đối với hình thức đào tạo chính quy, và 20 tháng đối với hình thức đào tạo VLVH.

- Chương trình đào tạo được thiết kế để người học được lựa chọn theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng; giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc và nghiên cứu độc lập.

- Mỗi năm học có hai học kỳ chính và một học kỳ phụ. Lịch trình năm học có thể trùng hoặc không trùng với bậc đào tạo đại học.

- Tùy thuộc vào loại hình đào tạo là chính quy hay vừa học vừa làm, thời gian đào tạo, việc sắp xếp thời khóa biểu và triển khai giảng dạy tuân thủ theo đúng quy định hiện hành. Đối với cả hai hình thức đào tạo, chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống đơn vị tín chỉ cho phép học viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân.

- Việc giảng dạy được thiết kế và triển khai căn cứ theo mục tiêu của môn học, liên tục được cải thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp từ người học, các giảng viên trong Khoa cũng như các đối tượng hữu quan khác.

- Mỗi môn học được tổ chức giảng dạy, đánh giá theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp theo quy định hiện hành về tỷ lệ áp dụng.

- Mỗi môn học 04 tín chỉ gồm 02 tín chỉ lý thuyết, 01 tín chỉ đề án, và 01 tín chỉ thực hành:

+ Đối với 02 tín chỉ lý thuyết: Bố trí thành 30 tiết giao tiếp trên lớp học (lớp trực tiếp hoặc trực tuyến theo tỷ lệ quy định).

+ Đối với 01 tín chỉ đề án: Bố trí 30 giờ tự nghiên cứu có hướng dẫn của giảng viên, phân bổ trong thời gian ít nhất 02 tuần. Điểm của đề án tính thành 01 cấu phần điểm của môn học.

+ Đối với 01 tín chỉ thực hành: Mỗi môn học đều có phần thực hành / thực tập được tổ chức thành các chuyến “field trip” (thường là trong ngày), hoặc tổ chức chung thành chuyến “study tour” (thường là dài ngày), gọi chung là “chuyến thực tế”. Trong chuyến thực tế có thể có nhiều hoạt động, trong đó 02 hoạt động cốt lõi nhất là “kiến tập” và “hội thảo”.

Mỗi môn học 03 tín chỉ gồm 02 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ đề án:

+ Đối với 02 tín chỉ lý thuyết: Bố trí thành 30 tiết giao tiếp trên lớp học (lớp trực tiếp hoặc trực tuyến theo tỷ lệ quy định).

+ Đối với 01 tín chỉ đề án: Bố trí 30 giờ tự nghiên cứu có hướng dẫn của giảng viên, phân bổ trong thời gian ít nhất 02 tuần. Điểm của đề án tính thành 01 câu phần điểm của môn học.

## **PHẦN 6. LỊCH SỬ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH**

- Phiên bản đính kèm Quyết định mở ngành: **05/11/2024** (Quyết định 279/QĐ-ĐHTBD).
- Phiên bản điều chỉnh lần thứ 1: **22/8/2025** (Quyết định 187/QĐ-ĐHTBD).
- Phiên bản điều chỉnh lần thứ 2: **19/12/2025** (Quyết định /QĐ-ĐHTBD).

**KHOA QUẢN LÝ NGÀNH  
KHOA KINH TẾ & QUẢN TRỊ**

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

*(Đã ký)*

**TS. Đinh Thị Thu Hà**

**NGND.PGS.TS. Hồ Thanh Phong**

**Phụ lục 1.**

**Ma trận đối sánh với chương trình đào tạo của một số trường khác**

<b>TT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>TBD</b>	<b>Văn Lang</b>	<b>Hồng Bàng</b>	<b>KTQD (NEU)</b>	<b>Hutech</b>	<b>Văn Hiến</b>	<b>Nha trang</b>	<b>Mở</b>
1.	Triết học	4	4	4	4	4	4	4	4
2.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2			2			2	4
3.	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	3	3	3	3	3	3	3
4.	Quản trị tài chính	3	2	3	3			2	3
5.	Quản trị nguồn nhân lực	3	3	3	3	3	3	3	3
6.	Quản trị Marketing	3	2	3	3	3		3	3
7.	Quản trị sự thay đổi	3	2		3		3		3
8.	Thương mại điện tử	3	2			3	3	3	3
9.	Kinh tế học quản trị	3	3	3	3		3	4	3
10.	Lãnh đạo	3			4			2	3
11.	Tâm lý học và văn hóa doanh nghiệp	3	2	3	3				
12.	Khởi nghiệp, sáng tạo và đổi mới	3							3
13.	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	4	2		3	3	3	3	3
14.	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	4			3			2	
15.	Ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh	4	3+3	3+3	3	3	3	2+2	
16.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	4			3				3
17.	Thực tập và Đề án tốt nghiệp	15			9	15	9	9	